

ĐỀ SỐ 1

LANGUAGE

- PRONUNCIATION -

I - Choose the word which has the underlined part pronounced differently

1. A. classmates B. equipments C. firefighters D. deserts
2. A. cusine B. historic C. wish D. racing
3. A. cupboard B. pocket C. helpful D. prepare
4. A. suburb B. lucky C. rubbish D. funy

- GRAMMAR & VOCABULARY -

I - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. _____ people often want to know more about everything around them.
A. Shy B. Creative C. Confident D. Curious
2. My mother always keeps juice in the _____ for later use.
A. microwave B. fridge C. dishwasher D. cupboard
3. _____ friends always tell jokes to make others happy.
A. Generous B. Patient C. Funny D. Reliable
4. My brother and I go to a _____ to buy some snacks and Coke every weekend.
A. department store B. bookstore C. drug store D. clothes store
5. A _____ is a large area with a lot of sand and very little water.
A. desert B. forest C. waterfall D. island
6. “Pho” is one of the represented dishes for traditional _____ of Vietnam.
A. cuisine B. art C. zodiac D. statue
7. There is a cupboard _____ the fridge and the sink.
A. behind B. between C. in D. on
8. It’s important that you _____ cheat in the exam.
A. must B. mustn’t C. should D. shouldn’t
9. The Thai restaurant in Queensgate Market serves _____ Asian food in town.
A. the goodest B. the best C. gooder D. better
10. McMurdo station in Antarctica is one of _____ places on Earth.
A. remoter B. more remote C. the remotest D. the most remote

II - Give the correct form of the word in brackets.

1. Anna _____ (have) English, Physics and Science every Tuesday.
2. The school _____ (celebrate) its new school year ceremony at the moment.
3. I _____ (wish) your family luck, weath and happiness in the coming year.
4. Please be quiet! We _____ (interview) some students for the school project.
5. Tomorrow we (decorate) _____ our house to welcome Christmas Day.

6. Don't worry! I _____ (help) you with some new subjects.

SKILLS

- LISTENING -

Listen to Ella talking about her house and decide whether the following statements are True (T) or False (F).

1. Ella's house is in Cambridge.
2. There is a bathroom downstairs in her house.
3. Her family usually sit and watch TV in the kitchen.
4. There are four bedrooms upstairs in Ella's house.
5. Her house is far from the railway station.

- READING -

I - Read the passage and choose the best option to fill each blank.

On the first morning of New Year, people dress in their best clothes visiting their families and giving wishes to each other. If not living in the same house, the whole family usually (1) _____ at the eldest's or the house that has main ancestor's altars. Children (2) _____ "li xi" - lucky money in red envelopes, as a wish for a year full of wealth and luck. They must show their respects and give best (3) _____ before receiving the treats. People avoid mentioning (4) _____ stories, bad luck and death on the first day of the year. Some even avoid wearing dark color outfits or cheerless faces. Everything (5) _____ bright, happy and fun.

- | | | | |
|----------------|--------------|-----------------|------------------|
| 1. A. gathers | B. decorates | C. moves | D. shares |
| 2. A. receives | B. receive | C. is receiving | D. are receiving |
| 3. A. poems | B. friends | C. rubbish | D. wishes |
| 4. A. happy | B. reliable | C. sad | D. exciting |
| 5. A. is | B. are | C. does | D. do |

II - Read the passage and choose the correct answer to each of the following questions.

A sea of bikes, floral pyjamas and "Non la" - That's how I always remember Ngoc Ha, the neighbourhood we call home during our years in Vietnam. It's hard to believe that in Hanoi, a busy **metropolis**, you can still find a little slice of village life. When you move overseas, Ngoc Ha is exactly the kind of place you hope to live in. Quiet, friendly, safe, and completely authentic in its appeal.

Ngoc Ha is located in Hanoi's central, Ba Dinh district, halfway between West Lake and the Old Quarter. Just a few minutes' stroll to some of Hanoi's most important historical sites - Ho Chi Minh Mausoleum and Museum, Thang Long Citadel, One Pillar Pagoda, Ba Dinh Square, Ngoc Ha is the perfect excursion for anyone who wants to enjoy Hanoi's local beauty.

(wander-lust.org)

1. What is the main idea of the passage?

- A. A sea of bikes C. Non la

B. Floral pyjamas

D. the neighbourhood of Ngoc Ha

2. The word “**metropolis**” in line 2 has similar meaning to “_____”.

A. market

B. capital

C. village

D. backyard

3. Why is Ngoc Ha an ideal place to live in when moving overseas?

A. Because it is quiet and friendly.

B. Because it is safe and authentic in its appeal.

C. Because it is a busy metropolis.

D. Both A and B are correct.

4. Where is Ngoc Ha located?

A. It is located in West Lake.

B. It is located in the Old Quarter.

C. It is located in Hanoi’s central, Ba Dinh district.

D. It is located in Ba Dinh Square.

5. Which of the following historical site is not in a few minutes’ stroll from Ngoc Ha?

A. Con Dao Prison

B. Ba Dinh Square

C. Ho Chi Minh Mausoleum and Museum

D. One Pillar Pagoda

- WRITING -

I - Rewrite each sentence so that the new sentence has a similar meaning to the original one, using the words in brackets.

1. I think no desert in the world is larger than Sahara Desert (largest)

→ _____

2. No one in the class is more confident than Mia. (most)

→ _____

3. My bedroom has a lovely bookshelf and a small table for reading. (There)

→ _____

II - Complete each of the following sentences using the cues given. You can change the cues and use other words in addition to the cues to complete the sentences.

1. My/ best friend/ have/ brown/ hair/ very beautiful/ blue eye.

→ _____

2. I/ visiting/ grandparents/ have/ dinner/ them/ this weekend.

→ _____

III - Write a short paragraph (40 - 60 words) to describe your house.

You can use the following questions as cues.

- Where is it?
- What rooms does it have?
- What furniture does it have?

ĐÁP ÁN

LANGUAGE

- PRONUNCIATION -

I - Choose the word which has the underlined part pronounced differently.

1. **Đáp án:** C. firefighters

Giải thích: firefighters /'faɪəfaɪtə(r)z/ có “s” được phát âm là /z/, các phương án còn lại có “s” được phát âm là /s/.

A. classmates /'kla:smeɪts/ B. equipments /i'kwɪpmənts/ D. deserts /dɪ'zɜ:ts/

2. **Đáp án:** A. cuisine

Giải thích: cuisine /kwɪ'zi:n/ có “i” được phát âm là /i:/, các phương án còn lại có “i” được phát âm là /ɪ/.

B. historic /hɪ'stɔ:rɪk/ C. wish /wɪʃ/ D. racing /'reɪsɪŋ/

II - Choose the word with a different stress pattern.

3. **Đáp án:** A. cupboard

Giải thích: cupboard /'kʌbɔ:d/ có “p” không được phát âm, các phương án còn lại “p” đều được phát âm là /p/.

B. pocket /'pɒkɪt/ C. helpful /'helpfl/ D. prepare /prɪ'peə(r)/

4. **Đáp án:** A. suburb

Giải thích: suburb /'sʌbɜ:b/ có “u” gạch chân được phát âm là /ɜ:/, các phương án còn lại được phát âm là /ʌ/.

B. lucky /'lʌki/ C. rubbish /'rʌbɪʃ/ D. funny /'fʌni/

- GRAMMAR & VOCABULARY -

I - Choose the best answer to complete the following sentences.

1. **Đáp án:** D. Curious

Giải thích:

A. Shy (*adj.*): xấu hổ C. Confident (*adj.*): tự tin

B. Creative (*adj.*): sáng tạo D. Curious (*adj.*): tò mò

Xét về nghĩa, phương án D là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: Curious people often want to know more about everything around them. (*Những người tò mò thường muốn biết nhiều hơn về tất cả những gì xung quanh họ.*)

2. **Đáp án:** B. fridge

Giải thích:

A. microwave (*n.*): lò vi sóng B. fridge (*n.*): tủ lạnh

C. dishwasher (*n.*): máy rửa bát D. cupboard (*n.*): tủ ly

Xét về nghĩa, phương án B là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: My mother always keeps juice in the fridge for later use. (*Mẹ tôi luôn luôn để nước ép trong tủ lạnh để dùng dần.*)

3. Đáp án: C. Funny

Giải thích:

A. Generous (*adj.*): hào phóng

C. Funny (*adj.*): vui tính

B. Patient (*adj.*): kiên nhẫn

D. Reliable (*adj.*): đáng tin cậy

Xét về nghĩa, phương án c là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: Funny friends always tell jokes to make others happy. (*Những người bạn vui tính luôn kể những câu chuyện hài hước để khiến người khác vui vẻ.*)

4. Đáp án: A. department store

Giải thích:

A. department store (*n.*): cửa hàng bách hóa

C. drug store (*n.*): hiệu thuốc

B. bookstore (*n.*): hiệu sách

D. clothes store (*n.*): cửa hàng quần áo

Xét về nghĩa, phương án A là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: My brother and I go to a department store to buy some snacks and Coke every weekend. (*Anh trai tôi và tôi đến cửa hàng bách hóa để mua đồ ăn vặt và Coca-cola mỗi cuối tuần.*)

5. Đáp án: A. desert

Giải thích:

A. desert (*n.*): sa mạc

C. waterfall (*n.*): thác nước

B. forest (*n.*): rừng

D. island (*n.*): hòn đảo

Xét về nghĩa, phương án A là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: A desert is a large area with a lot of sand and very little water. (*Sa mạc là một vùng rộng lớn với rất nhiều cát và rất ít nước.*)

6. Đáp án: A. cuisine

Giải thích:

A. cuisine (*n.*): ẩm thực

C. zodiac (*n.*): cung hoàng đạo

B. art (*n.*): nghệ thuật

D. statue (*n.*): tượng

Xét về nghĩa, phương án A là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: “Pho” is one of the represented dishes for traditional cuisine of Vietnam. (*Phở là một trong những món ăn đại diện cho ẩm thực truyền thống Việt Nam.*)

7. Đáp án: B. between

Giải thích:

A. behind (*prep.*): phía sau

C. in (*prep.*): ở trong

B. between (*prep.*): ở giữa

D. on (*prep.*): ở trên

Xét về nghĩa, phương án B là phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: There is a cupboard between the fridge and the sink. (*Có một chiếc tủ ly ở giữa tủ lạnh và bồn rửa.*)

8. Đáp án: B. mustn't

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta thấy “cheat in the exam” (gian lận trong thi cử) là hành động không được làm. Vì vậy, phương án B phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: It's important that you mustn't cheat in the exam. (*Quan trọng là bạn không được gian lận trong thi cử.*)

9. Đáp án: B. the best

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta cần điền dạng so sánh nhất của tính từ. Bên cạnh đó, tính từ “good” có dạng so sánh nhất là “the best” nên phương án B phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: The Thai restaurant in Queensgate Market serves the best Asian food in town. (*Nhà hàng Thái trong chợ Queensgate phục vụ đồ ăn châu Á ngon nhất trong thị trấn.*)

10. Đáp án: D. the most remote

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta cần điền dạng so sánh nhất của tính từ. Bên cạnh đó, tính từ “remote” là tính từ dài nên có dạng so sánh nhất là “the most remote”. Vì vậy, phương án D phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: McMurdo station in Antarctica is one of the most remote places on Earth. (*Ga McMurdo ở Nam Cực là một trong những nơi xa xôi nhất trên Trái đất.*)

II - Give the correct form off the word in the brackets,

1. Đáp án: has

Giải thích: Trong câu có trạng từ “every Tuesday” (thứ Ba hàng tuần) cho thấy câu diễn tả một hành động thường xảy ra và có tính cố định nên động từ cần chia ở thì hiện tại đơn. Bên cạnh đó, “Anna” là chủ ngữ ngôi thứ ba số ít nên động từ “have” cần được đổi thành “has”.

Dịch nghĩa: Anna has English, Physics and Science every Tuesday. (*Anna học Tiếng anh, Vật lý và Khoa học vào thứ Ba hàng tuần.*)

2. Đáp án: is celebrating

Giải thích: Trong câu có trạng từ “at the moment” (lúc này) cho thấy câu diễn tả một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói nên động từ cần chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Bên cạnh đó, “The school” (Trường học) là chủ ngữ ngôi thứ ba số ít nên động từ “celebrate” cần đổi thành “is celebrating”.

Dịch nghĩa: The school is celebrating its new school year ceremony at the moment. (*Lúc này trường học đang tổ chức lễ khai giảng.*)

3. Đáp án: wish

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta thấy câu diễn tả một lời chúc vì vậy động từ cần chia ở thì hiện tại đơn. Bên cạnh đó, “I” là chủ ngữ ngôi thứ nhất nên động từ “wish” giữ nguyên.

Dịch nghĩa: I wish your family luck, weath and happiness in the coming year. (*Tôi chúc gia đình bạn may mắn, sung túc và hạnh phúc trong năm tới.*)

4. Đáp án: are interviewing

Giải thích: Câu mệnh lệnh “Please be quiet!” (Xin hãy giữ trật tự!) thể hiện sự việc được nhắc đến câu sau đang xảy ra tại thời điểm nói nên động từ ở câu sau sẽ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Bên cạnh đó, “We” (Chúng tôi) là chủ ngữ ngôi thứ hai nên động từ “interview” cần đổi thành “are interviewing”.

Dịch nghĩa: Please be quite! We are interviewing some students for the school project. (*Xin hãy giữ trật tự! Chúng tôi đang phỏng vấn một vài học sinh cho dự án của trường học.*)

5. Đáp án: are decorating

Giải thích: Trong câu có trạng từ chỉ thời gian “Tomorrow” (Ngày mai) thể hiện sự việc sẽ được sắp xếp thực hiện trong tương lai nên động từ sẽ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Bên cạnh đó, “We” là chủ ngữ ngôi thứ hai nên động từ “decorate” cần đổi thành “are decorating”.

Dịch nghĩa: Tomorrow we are decorating our house to welcome Christmas Day. (*Bây giờ chúng tôi đang trang trí nhà cửa để chào đón ngày lễ Giáng sinh trong tuần tới.*)

6. Đáp án: will help

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta thấy câu diễn tả một ý định của người nói. Vì vậy động từ cần chia ở thì tương lai đơn.

Dịch nghĩa: Don't worry! I will help you with some new subjects. (*Đừng lo! Tôi sẽ giúp bạn một số môn học mới.*)

SKILLS

- LISTENING -

Listen to Ella talking about her house and decide whether the following statements are True (T) or False (F).

Audio script:

Hello, today I'm going to talk to you about my house. My house is in London. It is separate from other houses in the neighbourhood. Downstairs there's a kitchen, a living room and a bathroom. The kitchen is quite big. We keep a washing machine, a drier, a fridge and a dining table here. We usually sit and watch TV in the living room. Upstairs there are two big bedrooms, two small bedrooms, a bathroom and a study room. My house is quite near the railway station and very convenient for the shops. I really enjoy living here.

Xin chào, hôm nay tôi sẽ nói cho bạn nghe về ngôi nhà của tôi. Nhà tôi ở Luân Đôn. Nó tách biệt với các ngôi nhà khác trong khu phố. Ở tầng dưới có nhà bếp, phòng khách và phòng tắm. Bếp khá to. Chúng tôi để máy giặt, máy sấy, tủ lạnh và bàn ăn ở đây. Chúng tôi thường ngồi và xem TV trong phòng khách. Trên lầu có hai phòng ngủ lớn, hai phòng ngủ nhỏ, một phòng tắm và một phòng làm việc. Nhà tôi khá gần nhà ga và rất thuận tiện cho các cửa hàng. Tôi thực sự thích sống ở đây.

1. Đáp án: False

Dịch nghĩa câu hỏi: Nhà của Ella ở Cambridge.

Giải thích: Thông tin có ở câu thứ hai “My house is in London.”

2. Đáp án: True

Dịch nghĩa câu hỏi: Có một phòng tắm ở tầng dưới trong nhà của cô ấy.

Giải thích: Thông tin có ở câu thứ 4 “Downstairs there's a kitchen, a living room and a bathroom.”

3. Đáp án: False

Dịch nghĩa câu hỏi: Gia đình cô ấy thường ngồi xem phim ở trong phòng bếp.

Giải thích: Thông tin có ở câu thứ 6 “We usually sit and watch TV in the living room.”

4. Đáp án: True

Dịch nghĩa câu hỏi: Có bốn phòng ngủ trên lầu trong nhà của Ella.

Giải thích: Thông tin có ở câu thứ 7 “Upstairs there are two big bedrooms, two small bedrooms, a bathroom and a study room.”

5. Đáp án: False

Dịch nghĩa câu hỏi: Nhà của cô ấy ở xa nhà ga.

Giải thích: Thông tin có ở câu thứ 8 “My house is quite near the station and very convenient for the shops.”

- READING -

I - Read the passage and choose the best option to fill each blank.

1. Đáp án: A. gathers

Giải thích:

A. gathers (v.): tụ họp

B. decorates (v.): trang trí

C. moves (v.): di chuyển

D. shares (v.): chia sẻ

Xét về nghĩa, phương án A phù hợp nhất.

2. Đáp án: B. receive

Giải thích: Dựa vào nghĩa của câu, ta thấy câu diễn tả một phong tục thường diễn ra nên động từ cần chia ở thì hiện tại đơn. Bên cạnh đó, “Children” (Trẻ em) là chủ ngữ ngôi thứ ba số nhiều nên phương án B phù hợp nhất.

3. Đáp án: D. wishes

Giải thích:

A. poems (n.): bài thơ

B. friends (n.): bạn bè

C. rubbish (n.): rác

D. wishes (n.): lời chúc

Xét về nghĩa, phương án D phù hợp nhất.

4. Đáp án: C. sad

Giải thích:

A. happy (adj.): vui

B. reliable (adj.): đáng tin cậy

C. sad (adj.): buồn bã

D. exciting (adj.): sôi nổi

Xét về nghĩa, phương án C phù hợp nhất.

5. Đáp án: A. is

Giải thích: Sau vị trí cần điền là tính từ “bright” nên ta cần một động từ “to be”. Bên cạnh đó, “everything” (mọi thứ) là chủ ngữ bất định nên động từ “to be” cần chia ở ngôi thứ ba số ít. Vì vậy, phương án A phù hợp nhất.

Dịch nghĩa toàn bài:

Vào buổi sáng đầu tiên của năm mới, mọi người mặc bộ quần áo đẹp nhất của mình đến thăm gia đình và chúc tụng nhau. Nếu không sống chung nhà, cả gia đình thường tập trung tại nhà của người lớn tuổi nhất hoặc ngôi nhà có bàn thờ tổ tiên chính. Trẻ em nhận được lì xì Tết - tiền may mắn trong phong bì đỏ, như một lời chúc cho một năm sung túc và may mắn. Chúng phải thể hiện sự tôn trọng và nói những lời chúc tốt đẹp nhất trước khi nhận được sự thiết đãi. Mọi người tránh đề cập đến những câu chuyện buồn, xui xẻo và cái chết vào ngày đầu tiên của năm. Một số người thậm chí tránh mặc trang phục tối màu hoặc khuôn mặt không vui. Mọi thứ đều tươi sáng, hạnh phúc và vui vẻ.

II - Read the passage and choose the best option to answer each of the following questions.

Dịch nghĩa toàn bài:

Rất nhiều xe đạp, đồ ngủ hoa và “nón lá” - đó là những điều tôi luôn nhớ về Ngọc Hà, khu phố chúng tôi gọi là nhà trong những năm ở Việt Nam. Thật khó tin khi ở Hà Nội, một đô thị sầm uất, bạn vẫn có thể tìm thấy một chút hương vị của cuộc sống làng quê. Khi bạn chuyển ra nước ngoài, Ngọc Hà chính xác là nơi bạn hy vọng được sinh sống. Yên tĩnh, thân thiện, an toàn và có sức hấp dẫn hoàn toàn chân thực.

Ngọc Hà nằm ở trung tâm Hà Nội, quận Ba Đình, nằm giữa Hồ Tây và khu phố cổ. Chỉ vài phút tản bộ đến một số di tích lịch sử quan trọng nhất của Hà Nội - Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hoàng thành Thăng Long, Chùa Một Cột, Quảng trường Ba Đình, Ngọc Hà là điểm tham quan hoàn hảo cho bất kỳ ai muốn thưởng thức vẻ đẹp địa phương của Hà Nội.

1. **Đáp án: D.** the neighbourhood of Ngoc Ha

Dịch nghĩa câu hỏi: Ý chính của đoạn văn là gì?

- A. Một biển xe đạp B. Đồ ngủ hoa C. Nón lá D. Khu phố Ngọc Hà

Giải thích: Các phương án A, B, C là những điều gợi nhớ về Ngọc Hà, phương án D là ý bao trùm của cả đoạn văn. Thông tin có ở câu “A sea of bikes, floral pyjamas and “Non la” - That’s how I always remember Ngoc Ha, the neighbourhood we call home during our years in Vietnam.”

2. **Đáp án: B.** capital

Dịch nghĩa câu hỏi: Từ “metropolis” ở dòng thứ 2 có nghĩa tương tự như “_____”.

- A. chợ B. thủ đô C. ngôi làng D. sân sau

Giải thích: Dựa vào văn cảnh của câu “It’s hard to believe that in Hanoi, a busy metropolis, you can still find a little slice of village life.”, ta cần tìm một danh từ dùng để nói về Hà Nội. Xét về nghĩa, phương án B là phù hợp nhất.

3. **Đáp án: D.** Both A and B are correct.

Dịch nghĩa câu hỏi: Tại sao Ngọc Hà là một nơi lí tưởng để sinh sống khi sang nước ngoài?

- A. Bởi vì nó yên tĩnh và thân thiện.
B. Bởi vì nó an toàn và có sức hấp dẫn hoàn toàn chân thực.
C. Bởi vì nó là một đô thị sầm uất.
D. Cả phương án A và B đều đúng.

Giải thích: Thông tin có ở câu “Quiet, friendly, safe, and completely authentic in its appeal.”

4. Đáp án: C. It is located in Hanoi's central Ba Dinh district.

Dịch nghĩa câu hỏi: Ngọc Hà nằm ở đâu?

A. Nó nằm ở Hồ Tây.

B. Nó nằm ở khu phố cổ.

C. Nó nằm ở trung tâm Hà Nội, quận Ba Đình.

D. Nó nằm ở quảng trường Ba Đình.

Giải thích: Thông tin có ở câu “Ngoe Ha is located in Hanoi's central, Ba Dinh district, halfway between West Lake and the Old Quarter.”

5. Đáp án: A. Con Dao Prison

Dịch nghĩa câu hỏi: Di tích lịch sử nào sau đây không trong phạm vi vài phút tản bộ từ Ngọc Hà?

A. Nhà tù Côn Đảo

B. Quảng trường Ba Đình

C. Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh

D. Chùa Một Cột

Giải thích: Thông tin có ở câu “Just a few minutes' stroll to some of Hanoi's most important historical sites - Ho Chi Minh Mausoleum and Museum, Thang Long Citadel, One Pillar Pagoda, Ba Dinh Square, [...]”

- WRITING -

I - Rewrite each sentences so that the new sentence has a similar meaning to the original one, using the words in brackets.

1. Đáp án: I think Sahara Desert is the largest desert in the world.

Giải thích: Ta có câu gốc “I think no desert in the world is larger than Sahara Desert.” (Tôi nghĩ rằng không có sa mạc nào trên thế giới rộng lớn hơn sa mạc Sahara.)

Vì vậy, ta dùng cấu trúc so sánh nhất của tính từ ngắn “the + adjective-est” để viết lại câu.

Dịch nghĩa: Tôi nghĩ rằng sa mạc Sahara là sa mạc rộng lớn nhất trên thế giới.

2. Đáp án: Mia is the most confident student in the class.

Giải thích: Ta có câu gốc “No one in the class is more confident than Mia.” (Không ai trong lớp tự tin hơn Mia.) Vì vậy, ta dùng cấu trúc so sánh nhất của tính từ dài “the most + adjective” để viết lại câu.

Dịch nghĩa: Mia là học sinh tự tin nhất trong lớp.

3. Đáp án: There are a lovely bookshelf and a small table for reading in my bedroom.

Giải thích: Ta có câu gốc “ My bedroom has a lovely bookshelf and a small table for reading.” (Phòng ngủ của tôi có một chiếc giá sách đáng yêu và một chiếc bàn nhỏ để đọc.)

Vì vậy, ta dùng cấu trúc “There are ...” (Có ...) để viết lại câu.

Dịch nghĩa: Có một chiếc giá sách đáng yêu và một chiếc bàn nhỏ để đọc trong phòng ngủ của tôi.

II - Complete each of the following sentences using the cues given. You can change the cues and use other words in addition to the cues to complete the sentences.

1. Đáp án: My best friend has brown hair and very beautiful blue eyes.

Dịch nghĩa: Người bạn thân nhất của tôi có mái tóc nâu và đôi mắt xanh rất đẹp.

5. Đáp án: I'm visiting my grandparents and having dinner with them this weekend.

Dịch nghĩa: Tôi sẽ đi thăm ông bà và ăn tối với họ vào cuối tuần này.

II - Write a short paragraph (40 - 60 words) to describe your house.

Dịch nghĩa câu hỏi:

Viết một đoạn văn ngắn (40 - 60 từ) để miêu tả ngôi nhà của bạn.

Bạn có thể sử dụng các câu hỏi sau như gợi ý:

- Nó nằm ở đâu?
- Nó có những phòng nào?
- Nó có những đồ đạc gì?

Gợi ý trả lời:

MAIN IDEAS (Ý chính)

Location (Địa điểm)

- City (*n.*) (thành phố)
- Countryside (*n.*) (nông thôn)
- Island (*n.*) (đảo)
- Forest (*n.*) (rừng)

Rooms (Phòng)

- Bedroom (*n.*) (phòng ngủ)
- bathroom (*n.*) (phòng tắm)
- kitchen (*n.*) (bếp)
- garden (*n.*) (vườn)

Furniture (Đồ đạc)

- fridge (*n.*) (tủ lạnh)
- microwave (*n.*) (lò vi sóng)
- dish washer (*n.phr*) (máy rửa bát)
- sofa (*n.*) (ghế sofa)

Bài mẫu:

My house is in the countryside. It has only one storey and it is not big, but there are a lot of trees around it. It is great to have a small garden in the backyard. There are two bedrooms for my parents and me, one bathroom, one kitchen and one living room in my house. We also have a big fridge to store food and a soft sofa to lie and watch TV after studying.

Ngôi nhà của tôi ở nông thôn. Nó chỉ có một tầng và không lớn lắm, nhưng xung quanh có rất nhiều cây cối. Thật tuyệt khi có một khu vườn nhỏ ở sân sau. Có hai phòng ngủ cho bố mẹ và tôi, một phòng tắm, một phòng bếp và một phòng khách trong nhà tôi. Chúng tôi cũng có một tủ lạnh lớn để giữ thức ăn và ghế sofa mềm để nằm và xem tivi sau khi học bài.

